

thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển ngành bông, xây dựng Hiệp hội sẽ được Hiệp hội khen thưởng xứng đáng và có thể được Hiệp hội đề nghị các cơ quan nhà nước khen thưởng.

Điều 23. Kỷ luật

Hội viên, thành viên Ban Chấp hành, Ban thường vụ, Ban kiểm tra, cán bộ, nhân viên của Hiệp hội nào hoạt động trái với Điều lệ, Nghị quyết của Hiệp hội, làm tổn thương đến uy tín, danh dự của Hiệp hội, bỏ sinh hoạt thường kỳ nhiều lần không có lý do chính đáng, không đóng hội phí một năm, sẽ tùy mức độ mà phê bình, khiển trách, cảnh cáo hoặc xóa tên trong danh sách hội viên hoặc đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Bản Điều lệ này đã được Đại hội nhiệm kỳ I Hiệp hội Bông vải Việt Nam nhất trí thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2004. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội Đại biểu toàn quốc Hiệp hội Bông vải Việt Nam nhất trí kiến nghị và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có giá trị thực hiện./.

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 77/2004/QĐ-BTC ngày 28/9/2004 quy định quản lý hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001;

Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Căn cứ Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19/8/1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế;

Căn cứ Quyết định số 206/2003/QĐ-TTg ngày 07/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều

của Quy chế về cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19/8/1998 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 54/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

QUY ĐỊNH quản lý hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế

(ban hành kèm theo Quyết định số 77/2004/QĐ-BTC ngày 28/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế (sau đây gọi tắt là cửa hàng) được làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng.

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng thực hiện như quy định đối với hàng kinh doanh nhập khẩu. Riêng phần tính thuế chỉ phải thực hiện đối với trường hợp mặt hàng nhập khẩu để bán cho người nhập cảnh có đơn giá vượt quá tiêu chuẩn hành lý miễn thuế theo quy định của pháp luật (tính thuế và thu thuế đối với phần vượt).

2. Hàng nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế phải dán tem "Vietnam duty not paid" do Bộ Tài chính phát hành, dưới sự giám sát của cơ quan Hải quan trước khi đưa hàng vào kho.

Vị trí dán tem đối với hàng nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế thực hiện

theo quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Quyết định này.

3. Các loại mỹ phẩm (thuộc danh mục do Bộ Y tế quản lý chất lượng) được phép nhập khẩu phục vụ kinh doanh tại các cửa hàng miễn thuế không phải đăng ký lưu hành. Các doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng mỹ phẩm.

Trong trường hợp doanh nghiệp xin đưa mỹ phẩm ra khỏi khu vực quản lý của Cửa hàng miễn thuế để tiêu thụ tại thị trường nội địa phải đăng ký lưu hành theo quy định của Bộ Y tế.

4. Hải quan không niêm phong kho hàng, cửa hàng, không trực tiếp giám sát, không trực tiếp làm thủ tục bán hàng. Mỗi tháng một lần, Hải quan thực hiện kiểm tra chứng từ bán hàng của cửa hàng để thanh khoản tờ khai nhập khẩu. Trong quá trình thanh khoản nếu xét thấy cần thiết thì Hải quan thực hiện việc kiểm tra lượng hàng tồn.

5. Trách nhiệm của cửa hàng:

5.1. Bán hàng đúng thủ tục, đúng đối tượng, đúng định lượng quy định.

5.2. Lưu giữ hồ sơ, chứng từ bán hàng theo quy định tại Mục II dưới đây.

5.3. Mỗi tháng, cửa hàng phải làm báo cáo bán hàng gửi Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng (theo mẫu tại Phụ lục 2 đính

kèm Quyết định này) để Hải quan kiểm tra và thanh khoản.

5.4. Cửa hàng phải có hệ thống máy tính nối mạng với Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng để truyền trực tiếp tới cơ quan Hải quan:

- Số liệu bán hàng (tên người mua hàng, số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành, tên hàng, số lượng, trị giá).

- Số liệu hàng tồn kho (tên hàng, mã số, số lượng, trị giá).

6. Hải quan quản lý cửa hàng phải mở sổ theo dõi hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng và số liệu bán hàng, hàng tồn kho do cửa hàng cung cấp theo quy định tại điểm 5.4 nêu trên.

II. QUY ĐỊNH VỀ BÁN HÀNG

1. Trường hợp người mua hàng là các cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự và cơ quan Đại diện các tổ chức quốc tế tại Việt Nam được hưởng tiêu chuẩn định lượng miễn thuế quy định tại Nghị định số 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ.

1.1. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

a) Hộ chiếu, chứng minh thư ngoại giao hoặc công hàm (nếu người mua là cơ quan).

b) Sổ định mức hàng miễn thuế.

c) Văn bản ủy quyền mua hàng (đối với trường hợp mua hàng theo ủy quyền).

d) Giấy phép của Cục Hải quan Tỉnh, thành phố (đối với mặt hàng là ô tô, xe gắn máy).

1.2. Nhân viên bán hàng phải thu và lưu các chứng từ sau:

a) Cắt ô tem tương ứng với mặt hàng đã bán và dán vào hóa đơn bán hàng.

b) Hóa đơn bán hàng.

c) Các chứng từ c,d quy định tại điểm 1.1 trên đây.

2. Trường hợp người mua hàng là chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ở Việt Nam, tiêu chuẩn định lượng miễn thuế được quy định tại Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ; người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước làm việc theo lời mời của cơ quan Nhà nước Việt Nam tiêu chuẩn định lượng miễn thuế được quy định tại Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

2.1. Thủ tục trước khi bán hàng: Cửa hàng phải xuất trình văn bản quy định tại điểm 2.2.c dưới đây với Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng để xác nhận và trừ lùi hàng hóa mua tại cửa hàng.

2.2. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

a) Hộ chiếu.

b) Tờ khai nhập xuất cảnh Việt Nam.

c) Văn bản xác nhận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu là chuyên gia ODA) hoặc của Bộ, ngành mời người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước làm việc (nếu là người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

2.3. Nhân viên bán hàng phải thu và lưu các chứng từ sau:

a) Hóa đơn bán hàng.

b) Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu, ngày nhập cảnh của người mua hàng vào hóa đơn bán hàng.

c) Đối với văn bản quy định tại điểm 2.2.c trên đây:

- Thu bản copy văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có xác nhận trừ lùi của Hải quan, nếu người mua chưa mua hết lượng hàng được miễn thuế.

- Thu bản chính văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu người mua đã mua hết lượng hàng được miễn thuế.

3. Trường hợp người nhập cảnh mua hàng ở cửa hàng miễn thuế tại cửa khẩu nhập và cửa hàng miễn thuế trong nội địa:

3.1. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

- a) Hộ chiếu.
- b) Tờ khai nhập xuất cảnh Việt Nam.
- c) Sau khi bán hàng nhân viên của hàng phải ghi tổng trị giá hàng đã bán ký, ghi rõ họ tên vào Tờ khai nhập xuất cảnh.
- d) Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu, ngày nhập cảnh của người mua hàng vào hóa đơn bán hàng.

3.2. Nhân viên bán hàng phải thu và lưu các chứng từ sau:

- a) Hóa đơn bán hàng.
- b) Thu bản copy Tờ khai nhập xuất cảnh (sau khi đã ghi theo quy định tại 3.1.c trên đây).

4. Trường hợp người xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa:

4.1. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

- a) Hộ chiếu.
- b) Vé máy bay xuất cảnh đã được đặt chỗ.

4.2. Nhân viên bán hàng phải thu và lưu các chứng từ sau:

- a) Hóa đơn bán hàng (đã có xác nhận thực xuất của Hải quan cửa khẩu xuất).

b) Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu, số hiệu chuyến bay, ngày xuất cảnh của người mua hàng vào hóa đơn bán hàng.

4.3. Thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng:

- a) Kiểm tra, đối chiếu hàng hóa đã bán với hóa đơn bán hàng.
- b) Niêm phong hàng hóa đã bán để của hàng chuyển tới cửa khẩu xuất.

4.4. Thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất:

- a) Kiểm tra niêm phong của Hải quan quản lý cửa hàng.
- b) Giám sát để đảm bảo hàng được thực xuất.
- c) Xác nhận thực xuất vào từng hóa đơn bán hàng.

5. Trường hợp người xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế ở cửa khẩu xuất:

5.1. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

- a) Hộ chiếu hoặc giấy thông hành xuất nhập cảnh theo quy định.
- b) Chứng từ chứng minh nguồn gốc ngoại tệ hợp pháp (trường hợp mua hàng với trị giá trên mức ngoại tệ quy định phải khai báo hải quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

5.2. Nhân viên bán hàng phải thực hiện:

a) Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu (số giấy thông hành), ngày xuất cảnh của người mua hàng vào hóa đơn bán hàng.

b) Lưu hóa đơn bán hàng.

5.3. Trường hợp khách du lịch xuất cảnh bằng đường biển không có thị thực nhập cảnh, không có tờ khai nhập xuất cảnh Việt Nam thì thực hiện như quy định tại điểm 5.2 trên đây.

6. Hàng miễn thuế bán trên các chuyến bay quốc tế:

6.1. Khi xuất hàng từ kho đưa lên máy bay, doanh nghiệp phải lập "Phiếu xuất kho" ghi rõ mặt hàng, số lượng, trị giá lô hàng đó.

6.2. Đối với chuyến bay xuất cảnh: Doanh nghiệp được phép lập hóa đơn tổng (03 liên) cho tất cả số hàng đã bán trên máy bay của một chuyến bay, liên 1 (lưu doanh nghiệp), liên 2 (để thanh khoản miễn thuế với cơ quan thuế), liên 3 (nộp cho Hải quan).

6.3. Đối với chuyến bay nhập cảnh: Nếu người mua hàng trên chuyến bay nhập cảnh thì yêu cầu người mua khai báo vào Tờ khai nhập xuất cảnh Việt Nam và người bán hàng xác nhận trên tờ khai như nội dung xác nhận của nhân viên bán hàng tại cửa hàng miễn thuế nhập cảnh (quy định tại điểm 3.1.c nêu trên) và xuất hóa đơn bán hàng theo quy định.

6.4. Trong thời gian 24 giờ, sau khi kết thúc chuyến bay doanh nghiệp phải nộp cho Hải quan quản lý cửa hàng bản kê chi tiết bán hàng cho hành khách của chuyến bay xuất cảnh hoặc nhập cảnh, nội dung bản kê chi tiết gồm các tiêu chí: Họ tên người mua hàng, số hộ chiếu, số hiệu chuyến bay, ngày xuất cảnh/nhập cảnh có xác nhận của người bán hàng; hóa đơn tổng, phiếu xuất kho để làm cơ sở thanh khoản hồ sơ.

7. Hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thủy thủ trong thời gian tàu đang neo đậu tại cảng Việt Nam để sử dụng trên tàu và ngoài lãnh hải Việt Nam:

7.1. Trường hợp mua hàng miễn thuế để phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu đang neo đậu chờ xuất cảnh:

Thủy thủ trên tàu được phép mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế 01 (một) lần theo định lượng cụ thể sau:

a) Định lượng:

- Rượu từ 22 độ trở lên: 1,5 lít.
- Rượu dưới 22 độ: 2,0 lít.
- Đồ uống có cồn, bia: 3,0 lít.
- Thuốc lá điếu: 400 điếu.
- Xì gà: 100 điếu.

b) Quy định về bán hàng:

- Thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu thay mặt thủy thủ lập đơn hàng mua 01 (một) lần chung cho các thủy thủ có

nhu cầu sử dụng loại hàng này theo định lượng nêu trên.

- Nhân viên bán hàng thực hiện:

+ Kiểm tra đơn hàng của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu, danh sách thủy thủ.

+ Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu, số hiệu phương tiện vận tải, ngày tàu nhập cảnh vào hóa đơn bán hàng và ký tên vào hóa đơn bán hàng.

+ Lưu hóa đơn bán hàng, đơn hàng và danh sách thủy thủ làm cơ sở thanh khoản hồ sơ.

7.2. Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thủy thủ cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam chỉ được mua tại cửa hàng miễn thuế nơi tàu xuất cảnh.

- Quy định về bán hàng:

Thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu lập đơn hàng theo nhu cầu.

- Nhân viên bán hàng thực hiện:

+ Kiểm tra đơn hàng của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu, danh sách thủy thủ làm cơ sở thanh khoản hồ sơ.

+ Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu, số hiệu phương tiện vận tải, ngày tàu nhập cảnh vào hóa đơn bán hàng và ký tên vào hóa đơn bán hàng.

+ Lưu hóa đơn bán hàng, đơn hàng và danh sách thủy thủ.

Hàng hóa mua tại cửa hàng miễn thuế theo đơn hàng phục vụ nhu cầu của thủy thủ cho hành trình tiếp theo (sử dụng ngoài lãnh hải Việt Nam) phải được đưa vào kho của tàu để Hải quan niêm phong và giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÀNG SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM VÀ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐANG LƯU THÔNG HỢP PHÁP TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM ĐƯA VÀO BÁN TẠI CỬA HÀNG MIỄN THUẾ

1. Hàng sản xuất tại Việt Nam bao gồm hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư trong nước và hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu.

2. Hàng sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế là mặt hàng không thuộc danh mục hàng cấm xuất khẩu. Nếu là mặt hàng xuất khẩu có điều kiện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Hàng hóa đã nhập khẩu, đang lưu thông hợp pháp trên thị trường Việt Nam (dưới đây được gọi là hàng đã nhập khẩu), nếu đưa vào bán tại cửa hàng

09638847

LawSift
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

miễn thuế được coi như hàng xuất khẩu và phải tuân thủ chính sách mặt hàng theo quy định của pháp luật.

4. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu; hàng hóa đã nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế:

4.1. Doanh nghiệp bán hàng đăng ký tờ khai xuất khẩu (HQ/2002-XK), doanh nghiệp mua hàng (doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế) đăng ký tờ khai nhập khẩu (HQ/2002-NK) cùng bộ hồ sơ hải quan liên quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán.

Đối với hàng hóa đã nhập khẩu thì nộp thêm các chứng từ nhập khẩu ban đầu: tờ khai nhập khẩu, biên lai thuế các loại (bản sao có xác nhận đóng dấu, ký tên của giám đốc doanh nghiệp).

Doanh nghiệp bán hàng, doanh nghiệp mua hàng thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế.

4.2. Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế có trách nhiệm làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng theo quy định hiện hành, riêng:

- Đối với Tờ khai HQ/2002-XK: xác nhận đã làm thủ tục hải quan và đóng dấu vào ô 26, chưa xác nhận thực xuất và chưa đóng dấu vào ô 27.

- Mở sổ theo dõi riêng đối với loại hàng này.

4.3. Hàng ngày, trên cơ sở hóa đơn thanh toán với khách hàng, doanh nghiệp mua hàng có trách nhiệm tổng hợp số hàng đã bán trong ngày và lập báo cáo bán hàng trong ngày nộp cho Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế.

4.4. Trên cơ sở sổ theo dõi và báo cáo bán hàng trong ngày, khi số hàng nhập khẩu trên tờ khai HQ/2002-NK được bán hết, doanh nghiệp mua hàng có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp bán hàng cùng liên hệ với Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng để được kiểm tra đối chiếu và xác nhận, đóng dấu thực xuất vào ô số 27 trên tờ khai HQ/2002-XK (bao gồm tờ khai lưu tại Hải quan và tờ khai của doanh nghiệp bán hàng) để làm cơ sở thanh khoản hồ sơ.

5. Những nội dung quy định trong phần này chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp có nhu cầu hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

IV. QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU BÁN TẠI CỬA HÀNG MIỄN THUẾ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

1. Hàng tái xuất:

1.1. Khi làm thủ tục tái xuất, doanh nghiệp phải nộp các chứng từ sau:

- Văn bản đề nghị xin tái xuất.

- Giấy phép của Bộ Thương mại (nếu khi nhập khẩu có giấy phép của Bộ Thương mại).

1.2. Thủ tục hải quan tái xuất:

- Thủ tục hải quan tái xuất thực hiện như quy định đối với lô hàng tái xuất.

- Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng làm thủ tục tái xuất.

2. Hàng chuyển vào bán tại thị trường nội địa:

2.1. Khi muốn chuyển hàng nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế vào tiêu thụ nội địa, doanh nghiệp phải nộp cho Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng:

- Văn bản đề nghị.

- Giấy phép của Bộ Thương mại (đối với hàng nhập khẩu có điều kiện).

2.2. Thủ tục hải quan để chuyển hàng vào tiêu thụ nội địa được thực hiện như quy định đối với hàng kinh doanh nhập khẩu.

V. QUY ĐỊNH VỀ THANH KHOẢN

1. Hồ sơ thanh khoản gồm:

1.1. Chứng từ bán hàng cho từng đối tượng theo quy định tại Phần II nêu trên.

1.2. Báo cáo bán hàng trong tháng của cửa hàng.

1.3. Các chứng từ khác (nếu có).

Việc thanh khoản được tiến hành định kỳ theo từng tháng. Định kỳ hàng năm Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng thực hiện việc kiểm tra hàng tồn kho.

Cửa hàng chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, chứng từ bán hàng (theo từng loại đối tượng mua hàng quy định tại Phần II nêu trên) để xuất trình khi Hải quan kiểm tra, thanh khoản.

2. Thủ tục thanh khoản:

- Mỗi tháng, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng thực hiện thanh khoản hàng hóa đã bán trong tháng một lần vào tuần đầu tiên của tháng tiếp theo. Khi Hải quan kiểm tra, thanh khoản cửa hàng phải xuất trình hồ sơ nói tại điểm 1. Phần V trên đây và các sổ sách, chứng từ liên quan khác (khi Hải quan yêu cầu).

- Trong quá trình thanh khoản, nếu xét thấy cần thiết thì Hải quan thực hiện kiểm tra hàng tồn.

- Sau khi thanh khoản, cửa hàng phải lưu giữ hồ sơ bán hàng trong thời gian quy định của pháp luật.

3. Thanh khoản đối với trường hợp hàng đổ vỡ, tiêu hủy:

3.1. Đối với hàng đổ vỡ trong quá trình vận chuyển thì doanh nghiệp phải nộp văn bản giải trình, chứng thư giám định của cơ quan có thẩm quyền hoặc xác nhận của chính quyền địa phương.

Trường hợp hàng đồ võ nhỏ lẻ, số lượng ít (một vài thứ), trị giá nhỏ thì doanh nghiệp nộp văn bản giải trình cho Hải quan quản lý cửa hàng để xác nhận thanh khoản mà không phải nộp chứng thư giám định hoặc xác nhận của chính quyền địa phương.

3.2. Đối với hàng hóa quá hạn sử dụng, hàng bị hư hỏng, mất phẩm chất thì doanh nghiệp phải nộp văn bản giải trình và chứng thư giám định.

3.3. Thủ tục tiêu hủy: Thực hiện theo quy định của pháp luật./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

Phụ lục 1

QUY ĐỊNH VỊ TRÍ DÁN TEM HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐỂ KINH DOANH TẠI CỬA HÀNG MIỄN THUẾ

(ban hành kèm theo Quyết định số 77/2004/QĐ-BTC ngày 28/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

1. Thuốc lá dán ở đầu nút thuốc.
2. Rượu chai (bao gồm cả hũ, bình) dán vát qua nút chai.

3. Quạt điện các loại: dán ở phía trên của bầu quạt. Đối với những loại quạt sản xuất theo dạng hộp (như quạt thông gió) dán ở mặt trước, góc trái phía trên.

4. Tủ lạnh dán ở mặt trên bên phải.

5. Nồi cơm điện: dán ở phần thân nồi phía trên bộ phận ổ điện.

6. Phích nóng lạnh dùng điện: dán tại phần thân phích phía trên bộ phận ổ điện.

Phích nóng lạnh không dùng điện: dán vát dọc phần nối đáy và thân phích, nếu không có phần nối đáy thì dán dọc theo thân phích nối với cổ phích phía trên.

7. Bếp ga các loại dán ở mặt trên bên phải.

8. Đầu video dán ở nắp trên góc sau bên phải.

9. Máy thu hình (TV) dán ở phía trên phần sau máy.

10. Máy điều hòa không khí dán ở mặt trên bên phải. Đối với máy điều hòa không khí loại 2 cục thì dán vào mặt trên bên phải cục lạnh.

11. Các loại mỹ phẩm, bánh kẹo, đồ da và các loại hàng hóa khác doanh nghiệp được phép tự chọn vị trí dán tem trên bao bì của sản phẩm để đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng và mỹ quan của sản phẩm.

